

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HSST

Ngày: 27/02/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Thương Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Mảng

2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

Thư ký Tòa án: Bà Quàng Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ B Ph, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ph tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Hoi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ B Ph, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/HSST ngày 30 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 13/02/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lưu Nam D**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 15/9/1979 tại Điện Biên;

Nơi đăng ký NKTT: Số nhà 66, tổ dân phố 15, phường T Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Lưu Văn T và con bà: Phạm Thị H; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **Nguyễn Việt T**; tên gọi khác: **Nguyễn Việt T**; sinh ngày 28/8/1987 tại tỉnh Điện Biên;

Nơi đăng ký NKTT: Số nhà 28, tổ dân phố 4, phường N B, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Nguyễn T D và con bà: Trần Thị Ng ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: Có 03 tiền án, ngày 31/7/2007, T bị Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay áp dụng khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án vào tháng 9/2009. Ngày 19/01/2010, T bị Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g (tái phạm) khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt 60 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án vào tháng 01/2014. Ngày 16/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, áp dụng điểm c (tái phạm nguy hiểm) khoản 2

Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 30/8/2017 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/12/2018 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Doanh nghiệp tư nhân XD và TM B S Đ.

- Đại diện theo quy định pháp luật: Ông Đặng Ngọc T, sinh năm 1990 – Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Số nhà 37, tổ dân phố 11, phường N Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1972. Trú tại: tổ dân phố 22, phường T Th, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Ông Đỗ Thế B, sinh năm 1987. Trú tại: Số nhà 189, tổ dân phố 20, phường H L, thành phố Đ B Ph, tỉnh Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Về hành vi phạm tội của các bị cáo Lưu Nam D và Nguyễn Viết T Vào khoảng 08 giờ ngày 02/12/2018, Lưu Nam D đi bộ từ nhà đến khu vực thủy điện H L thuộc bản H L, phường N B, thành phố Đ B Ph thấy cửa trạm thủy điện bị hỏng, không có cánh, không có người trông coi. D đi vào bên trong, xuống tầng hầm phát hiện một van sắt của đường ống dẫn nước, đường kính vòng ngoài là 90 cm, đường kính vòng trong là 70 cm có trọng lượng là 389 kilogam, trị giá 2.528.500 đồng của doanh nghiệp tư nhân Bảo Sơn đã bị tháo rời ra, được đặt dựa vào đường ống dẫn nước, D nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài. Khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, D thấy Nguyễn Viết T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27P1-029.14 đi qua nên gọi và rủ T cùng lấy trộm van sắt đem bán lấy tiền tiêu sài. T đồng ý, cả hai cùng xuống xem van sắt. Sau đó D lấy xe của T, quay về nhà lấy 01 dòng dọc chịu lực 1000 kg, có dây xích dài 5,1 mét, kèm 01 đoạn dây cáp sắt dài 2,7 mét rồi quay lại chỗ T, khi D đi qua bãi đậu xe thuộc khu vực nghĩa trang A1, phường Mường Thanh, thành phố Đ B Ph D nhìn thấy trên đầu xe ô tô tải, biển kiểm soát 27H-3061 của anh Nguyễn Văn H có ghi số điện thoại, D dùng bút bi có sẵn trong túi ghi số điện thoại vào lòng bàn tay. Khi đến gần trường Cao đẳng sư phạm tỉnh Điện Biên, D mượn điện thoại của một người đi đường gọi cho anh Hán thỏa thuận chở van sắt từ trạm thủy điện đến cơ sở thu mua phế liệu thuộc phường Nam Thanh, với giá là 150.000 đồng, rồi đến chỗ T. D và T dùng 01 đoạn tre dài khoảng 3,5m, đường kính khoảng 05 cm để đưa một đầu dây cáp sắt được buộc vào 01 đoạn tre khô, dài khoảng 70 cm, đường kính khoảng 04 cm luồn qua khuy sắt có đường kính khoảng 20cm, được gắn sẵn trên dầm cách trần nhà 30 cm (từ sàn lên trần nhà là 4,4 m) để treo cố định một đầu dây cáp vào khuy sắt, đầu dây cáp sắt còn lại thả xuống cách mặt đất gần 02 m và

được nối vào chiếc dòng dọc, sau đó thả 01 đầu sợi dây xích sắt của dòng dọc xuống hầm (chiều cao hầm 3,15 m), D đi xuống hầm buộc đầu dây xích sắt vào tai van sắt rồi quay lên cùng T kéo dòng dọc đưa van sắt lên khỏi miệng hầm (hình vuông có chiều dài mỗi cạnh là 1,77 m). Lúc đó anh Hán đi xe ô tô tải đến, lùi xe qua cửa trạm, sát vào miệng hầm, T và D kéo, đẩy van sắt đặt lên thùng xe và tháo dây xích, dòng dọc ra, thì bị công an phường N B phát hiện và thu giữ vật chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ph giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và khẳng định hành vi trên của các bị cáo Lưu Nam D đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Nguyễn Viết T đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ B Ph xác định: 01 khối sắt là van đường ống dẫn nước vào máy phát điện của Trạm thủy điện H L, có đường kính vòng trong 70 cm, đường kính vòng ngoài 90cm, trọng lượng 389kg, đã qua sử dụng và đã bị hư hỏng trị giá 2.528.500 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng của vụ án: 01 khối sắt là van đường ống dẫn nước vào máy phát điện của Trạm thủy điện H L, có đường kính vòng trong 70 cm, đường kính vòng ngoài 90cm, trọng lượng 389kg, đã qua sử dụng và đã bị hư hỏng trị giá 2.528.500 đồng. Cơ quan Công an đã trả tài sản trên cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cơ quan điều tra đã tạm giữ tài sản đến ngày 11/01/2019 Công an điều tra đã trả các tài sản thu giữ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận lại tài sản và không có yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Bản cáo trạng số: 11/CT-VKSTPĐBP ngày 29/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ph, tỉnh Điện Biên truy tố các bị cáo Lưu Nam D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Nguyễn Viết T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173; Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 15, khoản 1 Điều 17; khoản 3 Điều 57; Điều 58 BLHS đối với các bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Lưu Nam D từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 dòng dọc, kèm một xích sắt cùng với dây cáp sắt.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ph, tỉnh Điện Biên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Viết T và bị cáo Lưu Nam D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thành phố Đ B Ph; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ph, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

2. Xét các hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong ngày 02/12/2018 tại địa bàn thành phố Đ B Ph bị cáo Lưu Nam D đã có hành vi rủ Nguyễn Viết T lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị các bị cáo trộm cắp là 2.528.500 đồng. Các bị cáo chưa mang được tài sản trộm cắp ra khỏi nơi quản lý của chủ sở hữu thì bị phát hiện nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Trộm cắp tài sản.

Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò của từng bị cáo, nên không có tổ chức. Bị cáo D là người khởi sướng, rủ rê, trực tiếp lấy trộm tài sản, nên giữ vai trò chính, bị cáo T là người giúp sức tích cực.

Bị cáo Lưu Nam D trộm cắp giá trị tài sản là 2.528.500 đồng nên đây là tình tiết định tội được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*”.

Đối với bị cáo Nguyễn Viết T có một T án về tội trộm cắp, bị áp dụng tình tiết tái phạm nguy hiểm nay lại phạm tội do cố ý nên tiếp tục phải chịu tình tiết định

khung là tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS quy định:

1. “*phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”:

...

g) Tái phạm nguy hiểm.”...

Hành vi trên của các bị cáo được chứng minh tại: Biên bản vụ việc; Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá; Lời khai của người bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản.

Lưu Nam D và Nguyễn Viết T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ B Ph truy tố bị cáo Lưu Nam D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Nguyễn Viết T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật.

3. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Năm 2003, bị cáo D bị Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; Năm 2006 bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Năm 2009 bị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đều đã được xóa án tích. Bị cáo có nhân thân xấu, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp, đua đòi, đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Viết T: Ngày 31/7/2007 bị Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án vào tháng 9/2009. Ngày 19/01/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Mường Lay áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm g (*tái phạm*) khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự xử phạt 60 tháng tù về tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong bản án vào tháng 01/2014. Ngày 16/3/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, áp dụng điểm c (*tái phạm nguy hiểm*) khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 30/8/2017 T ra trại và đã chấp hành xong bản án 30/8/2017. Bản thân bị cáo không có nghề nghiệp do ăn chơi đua đòi; đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4. Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, xét thấy hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, nghề nghiệp không ổn định và các bị cáo đi chấp hành án nên không có khả năng thi hành. Do vậy HĐXX không áp dụng các hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

5. Về vật chứng vụ án và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan Công an đã trả lại số tài sản do các bị cáo trộm cắp cho cho bị hại, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Tại phiên tòa bị hại xin xét xử vắng mặt, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo quy định pháp luật. Xét đề nghị của bị hại là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27P1-029.14 là T mượn của anh Đỗ Thế B. Anh Hán nhận chở thuê tài sản cho các bị cáo nhưng không biết các bị cáo phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu. Anh Hán, anh Bình không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Tại phiên tòa anh Hán, anh Bình xin xét xử vắng mặt. Xét đề nghị của anh Hán và anh Bình là có căn cứ, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 dòng dọc sơn màu cam có dây xích bằng sắt, kèm một đoạn dây cáp bằng sắt dài 2,7m đã qua sử dụng.

Đối với 01 chiếc bút bi bị cáo D để trong túi quần đã bị rơi mất; các cây tre sau khi thực hiện hành vi trộm cắp bị cáo D và bị cáo T vứt lại hiện trường, đã mất cơ quan điều tra không thu giữ được. Do vậy HĐXX không đặt vấn đề giải quyết rong vụ án.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 15, khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 58, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Nam D **18 (mười tám)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/12/2018.

Căn cứ Điều 15, khoản 1 Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 57, Điều 58, điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết T **24 (hai mươi tư)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 05/12/2018.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 dòng dọc sơn màu cam có dây xích bằng sắt, kèm một đoạn dây cáp bằng sắt dài 2,7m đã qua sử dụng.

Vật chứng đã được Công an thành phố Đ B Ph bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ B Ph ngày 31/01/2019.

- Chấp nhận bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

- Chấp nhận các biên bản trao trả tài sản ngày 11/01/2019.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo: Lưu Nam D phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Nguyễn Viết Tphải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/02/2019). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo về phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND Ph. Tân Thanh và Ph. Noong Bua;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTPĐBP;
- Công an TPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Thanh Yên;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Bị cáo;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIỆN TÒA**

Trần Thị Thương Huyền

